

BÁO CÁO
thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh
tại kỳ họp thứ 21 - HĐND tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh; sau khi nghiên cứu 5 báo cáo, 18 tờ trình, 2 văn bản bổ sung và dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 21 - HĐND tỉnh, kết hợp tổ chức giám sát, khảo sát, hội nghị tham vấn với một số ngành, địa phương; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định một số nội dung như sau:

Phần 1. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 (Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh)

I. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023

Là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của HĐND tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 với sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh đã đạt được kết quả khá tích cực, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Dự ước có 15/18 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đạt và vượt kế hoạch¹; có 03/18 chỉ tiêu tiệm cận với kế hoạch đề ra. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh là 6,68% (kế hoạch năm 2023 là 6,5-7%), trong đó: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,41%; công nghiệp và xây dựng tăng 7,95%; dịch vụ tăng 6,41%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,11%. GRDP bình quân đầu người năm 2023 là 71 triệu đồng/KH 70 triệu đồng. Thu ngân sách ước đạt 3.800 tỷ đồng. Vốn đầu tư thực hiện trên địa năm 2023 (giá hiện hành) ước tính đạt 24.220 tỷ đồng.

UBND tỉnh đã triển khai đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách như: Hoàn thành nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh; phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung của thành phố Đông Hà, lập và điều chỉnh 07 đồ án quy hoạch vùng huyện; lập Chương trình phát triển đô thị tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức rà soát sự phù hợp của tất cả các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo rà soát, thu hồi các dự án không triển khai, hoặc có triển khai nhưng không hiệu quả, các dự án quy hoạch treo; đã thu hồi, chấm dứt hoạt động đối với 12 dự án với tổng vốn đăng ký 9.147,611 tỷ đồng. Chỉ đạo quyết liệt để triển khai các dự án trọng điểm như: Dự án Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Dự án Đường ven biển kết nối

¹ Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

hành lang kinh tế Đông - Tây và Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây; Dự án Khu bến cảng Mỹ Thủy; Cảng hàng không Quảng Trị đã mở thầu và hoàn thành việc đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư trong tháng 11 năm 2023; Dự án Khu công nghiệp Quảng Trị đã hoàn thành phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, báo cáo đánh giá tác động môi trường, chuyển mục đích sử dụng rừng, đấu nối giao thông, công tác GPMB hoàn thành đạt 99,25%; đã bàn giao mặt bằng Dự án cao tốc Cam Lộ - Vạn Ninh đạt 76,33%. Thu hút 46 dự án đầu tư với tổng mức đầu tư hơn 3.314 tỷ đồng. Hỗ trợ thành lập mới 450 doanh nghiệp.

Bên cạnh các chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch thì chỉ tiêu thu ngân sách; tổng vốn đầu tư xã hội và tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ chưa đạt mục tiêu đề ra; công tác quản lý nhà nước về đất đai còn nhiều bất cập, chưa giải quyết dứt điểm tình trạng mất cân đối đất làm vật liệu san lấp giữa các địa phương, dẫn đến khan hiếm, tăng giá đất làm vật liệu san lấp; công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023 - 2025 theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh tiến triển chậm. Việc triển khai bàn giao hồ sơ, giấy chứng nhận QSD đất cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhất là các đơn vị sự công lập tự chủ tài chính 100%, trong đó có các đơn vị thuộc ngành giao thông vận tải, giáo dục, y tế, văn hóa thể thao và du lịch; thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp; thị trường bất động sản tiếp tục đóng băng dẫn đến hụt thu từ nguồn thu sử dụng đất; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm; Sản xuất công nghiệp cầm chừng; thực hiện chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ cho Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách giảm thuế, phí, hỗ trợ lãi suất của Quốc hội và Chính phủ² hỗ trợ cho doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ nhưng số doanh nghiệp gặp khó khăn, giải thể vẫn ở mức cao³; huy động vốn tăng, nhưng dư nợ cho vay giảm⁴, dư nợ có lãi suất trên 9%/năm vẫn ở mức cao, chiếm 50%

2 Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội; Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường; Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Chính phủ về việc giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2022; Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 của Chính phủ về giảm 50% lệ phí trước bạ đối với xe ô tô sản xuất trong nước; Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh quy định...

3 DN tạm ngừng là: 288; số DN giải thể là: 83 và có đến 108 doanh nghiệp nộp thông báo sẽ giải thể.

⁴ Đến 31/10/2023 huy động vốn đạt 34.803 tỷ đồng, tăng 3.382 tỷ đồng với tỷ lệ tăng 10,76% so cuối năm 2022. Trong đó: tiền gửi tiết kiệm dân cư 25.035 tỷ đồng (chiếm 71,93%), tăng 2.680 tỷ đồng với tỷ lệ tăng 11,99%; Tổng dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đến 31/10/2023 đạt 50.544 tỷ đồng, giảm 197 tỷ đồng, với tỷ lệ giảm 0,39% so với cuối năm 2022.

tổng số dư nợ⁵; một số doanh nghiệp gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ như gỗ của Công ty cổ phần gỗ MDF Vrg Quảng Trị, Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị; Công ty TNHH Ngọc Tuấn SURIMI, Công ty TNHH MTV dụng cụ du lịch Jinquan Việt Nam, Công ty TNHH dệt may VTJ TOMS, Công ty TNHH VESTAS WIND TECHNOLOGY Việt Nam; thu ngân sách chưa đạt dự toán; dịch bệnh ở gia súc gia cầm đã kiểm soát nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro cho bà con nông dân.

Kiến nghị HĐND tỉnh: Đề nghị UBND tỉnh báo cáo đề xuất các nhóm giải pháp để khắc phục các khó khăn, tồn tại, hạn chế của năm 2023 trong đó có nhóm giải pháp quản lý nhà nước về đất đai; cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ quan chính quyền; đơn vị sự nghiệp; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; đất di tích, danh thắng; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình lần đầu. Kết quả rà soát các chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đang còn hiệu lực để trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ phù hợp với quy định của pháp luật và khả thi.

II. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 do UBND tỉnh trình tại kỳ họp. Riêng các giải pháp đối với lĩnh vực kinh tế, ngân sách, đề nghị HĐND tỉnh tiếp tục giao UBND tỉnh chỉ đạo: Hoàn thành việc cấp, đổi hồ sơ địa chính của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện các thủ tục cho thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính 100%; nghiên cứu đề xuất giải pháp về giá đất, chỉ đạo xây dựng và ban hành khung giá đất rừng sản xuất theo Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ tiệm cận mức tối đa để sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai⁶; điều chỉnh mức thu phí, lệ phí khoáng sản theo quy định mới để tăng thu ngân sách; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc và thực hiện đầy đủ các chính sách tài khóa để hỗ trợ doanh nghiệp; đồng thời động viên, khuyến khích các doanh nghiệp đang tạm ngừng hoạt động quay trở lại hoạt động để giải quyết việc làm cho người lao động. Nghiên cứu giải pháp cải cách các thủ tục hành chính, hoàn chỉnh quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu để thu hút các nhà đầu tư. Tiếp tục rà soát, kiên quyết thu hồi các dự án không triển khai, hoặc có triển khai đầu tư nhưng không hiệu quả. Chỉ đạo tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, địa phương về tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Phần 2. Về ngân sách

⁵ Dư nợ cho vay có lãi suất từ 9 đến dưới 11%/năm chiếm 31,02% tổng dư nợ, dư nợ cho vay có lãi suất từ 11 đến dưới 13%/năm chiếm 15,89% tổng dư nợ và dư nợ cho vay có lãi suất trên 13% chiếm 3,86% tổng dư nợ trên địa bàn.

⁶ Tỉnh Quảng Trị: xã đồng bằng mức tối thiểu 4.000đ/m², mức tối đa 60.000 đồng/ m²; xã trung du: 3.000 đồng và 45.000 đồng; xã miền núi: 1.000 đồng và 40.000 đồng.

I. Báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2022 (Báo cáo số 265/BC-UBND ngày 19/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

- Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng: 13.868.712,419 triệu đồng;
- Tổng chi ngân sách địa phương: 13.508.916,473 triệu đồng;
- Chênh lệch thu chi ngân sách năm 2022 là 359.795,936 triệu đồng, gồm:
 - + Chênh lệch thu chi ngân sách cấp tỉnh: 250.673,553 triệu đồng (Các khoản theo dõi để nộp trả NSTW: 243.035,387 triệu đồng; Kết dư ngân sách cấp tỉnh: 7.638,166 triệu đồng);
 - + Kết dư ngân sách cấp huyện: 99.893,771 triệu đồng;
 - + Kết dư ngân sách cấp xã: 9.228,612 triệu đồng.

Quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2022 được tổng hợp đầy đủ từ báo cáo quyết toán của các ngành, các địa phương cấp huyện, được đối chiếu thống nhất số liệu với Kho bạc Nhà nước tỉnh và đã được Kiểm toán Nhà nước kết luận. Kính đề nghị HĐND tỉnh phê chuẩn. Đồng thời đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo thu hồi các khoản nộp về ngân sách theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

II. Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh năm 2022 (Báo cáo số 269/BC-UBND ngày 19/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số liệu Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh năm 2022 được tổng hợp từ báo cáo của 783/783 (100%) đơn vị dự toán cấp I; UBND các xã, phường, thị trấn; Cục Thuế và các Chi cục Thuế; Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Trị và các Kho bạc Nhà nước huyện, thị xã; Sở Tài chính; UBND huyện và các Sở ngành có liên quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản cố định đặc thù. Cụ thể: Tổng tài sản: 36.010,330 tỷ đồng; tổng số nợ phải trả: 966,741 tỷ đồng; tổng nguồn vốn: 35.043,589 tỷ đồng.

Đánh giá chung, các ngành, địa phương, đơn vị đã chủ động tích cực trong công tác lập và gửi Báo cáo tài chính nhà nước, phần lớn đơn vị gửi báo cáo sớm, đúng thời gian quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị gửi báo cáo chưa kịp thời, báo cáo còn nhiều chỉ tiêu bất hợp lý, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin để lập báo cáo tại các đơn vị dự toán cấp I còn chưa đồng bộ; số liệu báo cáo chưa có kiểm toán, báo cáo phải hoàn thiện nhiều lần.

Kiến nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, số liệu, đặc biệt thuyết minh các chỉ tiêu tăng giảm đột biến, phát sinh mới theo quy định. Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cần hạch toán, ghi sổ đầy đủ tài sản theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định về quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/04/2019 quy định việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các văn bản quy phạm pháp luật

chuyên ngành về quản lý, sử dụng tài sản.

III. Kế hoạch tài chính 3 năm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2024 - 2026 (Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 19/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Kế hoạch tài chính 3 năm tỉnh Quảng Trị được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật ngân sách nhà nước, hướng dẫn hiện hành; dự toán thu, chi NSNN năm 2024; tình hình vay, trả nợ của chính quyền địa phương 03 năm 2024-2026 và dự kiến mức tăng thu ngân sách hàng năm. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất nội dung báo cáo của UBND tỉnh trình tại kỳ họp, với các nội dung chính sau:

- Tổng thu NSNN trên địa bàn 03 năm 2024-2026: 14.215,196 tỷ đồng; trong đó: Thu nội địa: 10.915,196 tỷ đồng; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 3.300 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương 03 năm 2024-2026: 29.530,172 tỷ đồng; trong đó, tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 24.312,179 tỷ đồng; tổng chi chương trình mục tiêu và các nhiệm vụ khác từ nguồn NSTW hỗ trợ có mục tiêu: 4.711,104 tỷ đồng; chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện thực hiện các Nghị quyết HĐND tỉnh và hỗ trợ một số chính sách, nhiệm vụ: 506,889 tỷ đồng.

- Kế hoạch vay nợ chính quyền địa phương giai đoạn 2024-2026:

+ Dự nợ đầu kỳ (đầu năm 2024) dự kiến: 206,348 tỷ đồng;

+ Trả nợ gốc 03 năm 2024-2026 dự kiến: 88,224 tỷ đồng;

+ Tổng mức vay của NSDP 03 năm 2024-2026 dự kiến: 585,089 tỷ đồng;

+ Dự nợ cuối kỳ (cuối năm 2026) dự kiến: 703,213 tỷ đồng;

+ Tỷ lệ dự nợ cuối kỳ/mức dự nợ tối đa (%): 88%;

+ Bội chi NSDP cả giai đoạn: 496,865 tỷ đồng.

Kiến nghị: Thực tế số báo cáo kế hoạch tài chính năm 2026 để xác định cho 3 năm 2024 - 2026 là chưa có cơ sở vững chắc, vì năm 2026 thuộc thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2026 - 2030. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện đồng bộ những nhiệm vụ, giải pháp phân đầu hoàn thành Kế hoạch tài chính 3 năm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2024 - 2026.

IV. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2023 và dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2024 (Báo cáo số 266/BC-UBND ngày 19/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2023

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện cả năm: 3.800 tỷ đồng/DT 4.050 tỷ đồng, đạt 94% dự toán địa phương và 96% dự toán Trung ương, bằng 80% cùng kỳ năm 2022; trong đó: Thu nội địa: 2.690 tỷ đồng/DT 3.400 tỷ đồng, đạt 79% dự toán địa phương và đạt 81% dự toán Trung ương, bằng 67% cùng kỳ

năm 2022; Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu: 1.100 tỷ đồng/DT 650 tỷ đồng; đạt 169% dự toán địa phương và 169% dự toán Trung ương, bằng 168% so với cùng kỳ 2022; Các khoản thu ủng hộ, đóng góp: 10 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2023 chưa đạt dự toán; thu xuất nhập khẩu vượt dự toán nhưng thu nội địa sụt giảm, trong đó thu từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất giảm sâu ảnh hưởng đến việc thực hiện các dự án đầu tư công; hụt thu cân đối cả ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện.

- Tổng chi NSDP ước thực hiện năm 2023: 13.143,795 tỷ đồng/DT 9.520,199 tỷ đồng, đạt 138% dự toán địa phương và 141% dự toán Trung ương, bằng 97% so với cùng kỳ năm trước. trong đó: Chi cân đối ngân sách: 7.505,979 tỷ đồng đạt 106% dự toán địa phương và dự toán Trung ương, bằng 110% so với cùng kỳ năm trước.

Nhiệm vụ chi ngân sách được điều hành, quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, bám sát dự toán HĐND tỉnh đã giao, theo tiến độ thu ngân sách; bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương trong đó sắp xếp các khoản chi để đảm bảo kinh phí thực hiện một số công việc đột xuất và bổ sung kinh phí cho một số dự án, nhiệm vụ phát sinh; đảm bảo kịp thời các chế độ chính sách về an sinh xã hội; điều hành dự phòng ngân sách đảm bảo theo quy định.

2. Cân đối ngân sách địa phương năm 2024

* Tổng nguồn thu NSDP: 9.323,446 tỷ đồng, gồm:

- Thu NSDP hưởng theo phân cấp: 2.765,9 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 6.427,546 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn; kinh phí thực hiện nhiệm vụ, chính sách địa phương năm trước chuyển sang để thực hiện và cân đối dự toán năm 2024: 130 tỷ đồng.

* Tổng chi NSDP: 9.376,646 tỷ đồng, gồm:

- Chi cân đối NSDP: 7.601,606 tỷ đồng;

- Chi từ nguồn NSTW thực hiện các chương trình mục tiêu, chế độ, chính sách, nhiệm vụ: 1.570,368 tỷ đồng;

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện thực hiện chính sách chế độ theo các Nghị quyết HĐND tỉnh và hỗ trợ một số chính sách chế độ, nhiệm vụ: 204,672 tỷ đồng.

* Bội chi ngân sách địa phương: 53,2 tỷ đồng (bằng mức bội chi ngân sách địa phương Trung ương giao).

3. Số vay và phương án trả nợ vay năm 2024

- Tổng mức vay trong năm: 80,4 tỷ đồng (bằng dự toán Trung ương giao); Trong đó: Vay để trả nợ gốc: 27,2 tỷ đồng; vay để bù đắp bội chi: 53,2 tỷ đồng.

- Số nợ gốc phải trả trong năm: 27,2 tỷ đồng.

- Nguồn vốn trả nợ gốc vay trong năm: Nguồn vốn vay.

* Việc cân đối ngân sách để phân bổ, giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị,

địa phương tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn⁷ do dự toán NSTW phân bổ cho NSDP theo định mức chi thường xuyên thấp (theo tiêu chí chính là tiêu chí dân số) do tỉnh Quảng Trị có dân số thấp; **Dự toán thu cân đối NSDP (trừ thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) năm 2024 Trung ương giao giảm thu so với dự toán năm 2023 là 305,1 tỷ đồng.** Mặc dù trong quá trình tổng hợp dự toán đã thực hiện các giải pháp tiết kiệm, giảm, giãn nhiệm vụ để dành nguồn tăng chi đầu tư, bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, nghị quyết riêng của địa phương; các đề án, chính sách do Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương ban hành nhưng giao địa phương bố trí ngân sách thực hiện; nguồn lực dự toán năm 2024 vẫn không đáp ứng được nhu cầu chi, **thiếu hụt trên 130 tỷ đồng.**

Ban kinh tế - Ngân sách kiến nghị UBND tỉnh:

- Bổ sung đánh giá tác động của các chính sách ảnh hưởng đến khoản thu nội địa theo quy định tại Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn; Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Chính phủ về việc giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội (10%-8%); Nghị định số 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 của Chính phủ về giảm 50% lệ phí trước bạ đối với xe ô tô sản xuất trong nước;

- Giải pháp huy động nguồn thu để bù đắp cân đối dự toán ngân sách năm 2024;

- Giải pháp đề bảo đảm thu đạt dự toán nguồn đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch được Chính phủ giao 800 tỷ đồng.

Phần 3. Về đầu tư công

I. Giảm dự toán kế hoạch năm 2023 nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý (Tờ trình số 222/TTr-UBND ngày 24/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Kế hoạch vốn đất cấp tỉnh quản lý được HĐND tỉnh giao đầu năm 2023 là 410 tỷ đồng⁸ và giao đến nay là 444,25 tỷ đồng⁹ (bao gồm vốn bổ sung từ vượt thu năm 2021, 2022). Kết quả thực hiện thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thành phố Đông Hà đến thời điểm báo cáo 59.173 triệu đồng/350.000 triệu đồng (dự kiến cả năm đạt 70.000 triệu đồng); nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất giao cho nhà đầu tư sử dụng 32.027 triệu đồng nguồn thu từ đấu giá, đấu

⁷ Dự toán năm 2022 hụt cân đối dự toán 130 tỷ đồng; dự toán năm 2023 hụt cân đối dự toán 96 tỷ đồng.

⁸ Thu tại Đông Hà 350 tỷ đồng, Thu tại đất giao DN 50 tỷ đồng, Thu tại Lao Bảo 10 tỷ đồng (NQ84/NQ-HĐND ngày 09/12/2022).

⁹ Thu tại Đông Hà 377,234 tỷ đồng, Thu đất giao DN 32,027 tỷ đồng, Thu tại Lao Bảo 34,988 tỷ đồng (NQ67/NQ-HĐND ngày 19/7/2022, NQ89/NQ-HĐND ngày 24/10/2023).

thầu các khu đất giao cho nhà đầu tư sử dụng chưa thực hiện được¹⁰. Như vậy, nguồn thu không đạt kế hoạch là **312.027** triệu đồng, do đó nhiều dự án, công trình kế hoạch năm 2023 từ nguồn thu sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý không được nhập Tabmis đủ vốn để triển khai thực hiện và phải chuyển qua bố trí vào kế hoạch năm 2024. Để có cơ sở bố trí vốn kế hoạch năm 2024 cho nhóm các dự án đã bố trí đủ vốn hoàn thành năm 2023 nhưng chưa được nhập Tabmis đủ vốn do hụt thu, đảm bảo không vượt kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh giảm dự toán kế hoạch năm 2023 nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý như sau:

- Kế hoạch 2023 đề nghị giảm dự toán: 298,985 tỷ đồng; trong đó: Thu tại Đông Hà 280 tỷ đồng; Thu đất giao doanh nghiệp 18,985 tỷ đồng¹¹.

- Phương án giảm đối với nguồn thu tại Đông Hà do Trung tâm quỹ đất thực hiện **giảm 280 tỷ đồng** (Gồm: *Đo đạc địa chính và Quỹ phát triển đất 42 tỷ đồng (chiếm 15%); các công trình phát triển quỹ đất 125,454 tỷ đồng (chiếm 44,8%¹²)* gồm 04 dự án¹³; các công trình KTXH khác 112,546 tỷ đồng (*chiếm 40,2%¹⁴*) gồm 27 dự án¹⁵ **sau điều chỉnh còn 70 tỷ đồng** (không bao gồm nguồn bổ sung vượt thu năm 2021).

- Phương án **giảm đối với nguồn thu đất giao doanh nghiệp là 18.985 triệu đồng** (Gồm: *Đo đạc địa chính và Quỹ phát triển đất 2,848 tỷ đồng (chiếm 15%); các công trình phát triển KTXH khác 16,137 tỷ đồng, gồm 06 dự án đã bố trí đủ vốn hoàn thành trong năm 2023 nhưng chưa nhập Tabmis đủ vốn¹⁶ do hụt thu) sau điều chỉnh giảm còn 13.042 triệu đồng*, đối với số vốn hụt thu còn lại (13.042 triệu đồng) sẽ tiếp tục đề nghị giảm dự toán khi đã xác định chính xác số thu thực tế năm 2023 sau ngày 31/12/2023.

c) Kiến nghị HĐND tỉnh: Giao UBND tỉnh ưu tiên bố trí nguồn vốn tương ứng trở lại cho các dự án đã được HĐND tỉnh phân bổ tại Nghị quyết số 84/NQ-

¹⁰ Dự án Khu dân cư mới Phường 1 đang hoàn thiện các thủ tục để tiếp tục thực hiện

¹¹ đối với số vốn hụt thu còn lại (dự kiến khoảng 13.042 triệu đồng) sẽ tiếp tục đề nghị giảm dự toán khi đã xác định chính xác số thu thực tế năm 2023 sau ngày 31/12/2023.

¹² thỏa mãn điều kiện tối đa 47% theo Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021

¹³ Nghĩa trang phục vụ di dời mộ Khu vực Bắc sông Hiếu (0,676 tỷ đồng); Khu đô thị Bắc sông Hiếu gđ 2 (65,991 tỷ đồng); Khu đô thị Tân Vĩnh (10 tỷ đồng); Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà (48,787 tỷ đồng)

¹⁴ thỏa mãn điều kiện tối thiểu 38% theo Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021

¹⁵ Trong đó: 09 dự án đã bố trí đủ vốn hoàn thành trong năm 2023 nhưng chưa nhập Tabmis đủ vốn (26,246 tỷ đồng), 18 dự án chuyển tiếp.

¹⁶ 1. Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong: 3.237 triệu đồng; 2. Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng): 5.300 triệu đồng; 3. Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông: 1.000 triệu đồng; 4. Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa: 2.500 triệu đồng; 5. Đường hầm sò chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2): 4.000 triệu đồng; 6. Kênh tiêu thoát nước Khu phố 3 phường An Đôn, TX Quảng Trị (liên kết với khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ): 100 triệu đồng

HĐND ngày 09/12/2022 trong năm 2024 khi có nguồn vốn theo quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

II. Phê duyệt chủ trương đầu tư

1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án

a) Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh (Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Để phù hợp công năng sử dụng và tạo thuận lợi trong thực hiện nhiệm vụ của các phòng, ban thuộc UBND tỉnh; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 như sau: Điều chỉnh quy mô đầu tư: Bổ sung, điều chỉnh các hạng mục: (1) Sửa chữa Nhà làm việc 03 tầng; (2) Cải tạo nâng tầng Nhà hội trường 03 tầng; (3) Nhà thường trực bảo vệ; (4) Các hạng mục khác. Điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án: 40.000 triệu đồng (tăng 10.000 triệu đồng).

Các nội dung không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Dự án mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế tỉnh Quảng Trị được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/8/2022. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2023.

Nay, đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện năm 2022 - 2024. Lý do, để phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực đã được Quốc hội thông qua, căn cứ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, ngày 20/10/2023, Chính phủ đã có Báo cáo số 582/BC-CP trình Quốc hội xem xét, quyết định cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Chương trình đến hết năm 2024 và đã được Quốc hội khóa XV thông qua tại phiên họp bế mạc kỳ họp thứ 6 ngày 29/11/2023

Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Quảng Trị; 09 Trung tâm y tế tuyến huyện và các trạm y tế tuyến xã, tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Quảng Trị; 09 Trung tâm y tế tuyến huyện và các trạm y tế tuyến xã, tỉnh Quảng Trị được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 29/8/2022, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 24/10/2023. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2023.

Nay, đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện năm 2022 - 2024. Lý do, để phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực đã được Quốc hội thông qua, căn cứ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, ngày 20/10/2023, Chính phủ đã có Báo cáo số 582/BC-CP trình Quốc hội xem xét, quyết định cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Chương trình đến hết năm 2024 và đã được Quốc hội khoá XV thông qua tại phiên họp bế mạc kỳ họp thứ 6 ngày 29/11/2023.

Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 và Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

a) Xây dựng Kho lưu hàng tại Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo và Đội trình sát đặc nhiệm thuộc Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 221/TTr-UBND ngày 24/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Để đảm bảo cho việc lưu giữ tang chứng, vật chứng, hàng hóa, tránh gây ẩm mốc, hư hỏng hay thất thoát, phục vụ cho công tác điều tra của lực lượng Bộ đội Biên phòng và các lực lượng chức năng khác; việc đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng mới 02 Kho lưu hàng với , có diện tích 306m² tại Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo và Đội trình sát đặc nhiệm là cần thiết, với tổng mức đầu tư là 1.755 triệu đồng, từ nguồn ngân sách tỉnh 1.350 triệu đồng, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh cân đối từ các nguồn tài chính hợp pháp của đơn vị 405 triệu đồng. Thời gian thực hiện 2023-2024.

b) Tuyến đường kết nối từ cổng phụ Trung tâm Hành hương Đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang (Tờ trình số 220/TTr-UBND ngày 24/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Việc đầu tư dự án nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực; hình thành trung tâm thương mại, dịch vụ và kết nối, phát triển với cụm du lịch Di tích Thành cổ Quảng Trị - Trung tâm Hành hương Đức mẹ La Vang - Khu du lịch sinh thái Trầm Trà Lộc - Bãi tắm Mỹ Thủy, tăng cường năng lực hạ tầng trong công tác đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy vào các dịp lễ tại Trung tâm Hành hương Đức Mẹ La Vang và các hoạt động kinh tế - xã hội, dịch vụ, du lịch tại địa phương; mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Bắc Trung tâm Hành hương Đức Mẹ La Vang, kết nối đô thị mới La Vang với thị xã Quảng Trị, thành phố Đông Hà và Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Với tổng mức đầu tư 35.800 triệu đồng từ nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng để xây dựng bãi đỗ xe số 01 tại đường Phú Lệ B, các công trình phụ trợ; nâng cấp, mở rộng 01 đoạn đường đã có, đầu tư xây dựng mới 02 tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 2,2 km. Tại xã Hải Phú, huyện Hải Lăng và xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, thời gian thực hiện năm 2024.

c) Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh (Tờ trình số 218/TTr-UBND ngày 21/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Sau hơn 10 năm đưa vào sử dụng công trình cần được cải tạo sửa chữa để chống xuống cấp, hư hỏng; đảm bảo đầy đủ các điều kiện để các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và các Phòng, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình được tốt nhất. Với tổng mức đầu tư 6.200 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh, để sơn và xử lý chống thấm lại nhà làm việc; sửa chữa Hội trường; cải tạo các phòng: phòng họp số 1, phòng họp số 2, phòng khách VIP, phòng làm việc Chánh Văn phòng, phòng lưu niệm; bổ sung, thay thế thiết bị PCCC và thiết bị nội thất; sửa chữa các hạng mục phụ trợ khác. Thời gian thực hiện 2024-2025.

Nội dung 6 tờ trình đề nghị điều chỉnh và phê duyệt chủ trương đầu tư trên phù hợp với các quy định của pháp luật về đầu tư công¹⁷, các văn bản hướng dẫn hiện hành, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021- 2025 của tỉnh và khả năng cân đối nguồn vốn của địa phương để hoàn thiện kết cấu hạ tầng tại các địa phương, trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua.

III. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 (Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 19 /11/2023 của UBND tỉnh).

1. Căn cứ pháp lý

Việc đề nghị HĐND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 phù hợp với quy định Luật đầu tư công 2019, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các Văn bản số 4460/BKHĐT-TH ngày 13/6/2023 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024, số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024.

2. Thẩm quyền

¹⁷ Luật đầu tư công 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công

Thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh quy định tại khoản 22¹⁸, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Nguyên tắc, nội dung phân bổ vốn

Tuân thủ quy định tại khoản 4 điều 1 Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và tình hình thực tế của các địa phương.

Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất bố trí 97.870 triệu đồng¹⁹/432,870 tỷ đồng²⁰ (tổng vốn giai đoạn 2021-2024 đã phân bổ là 334.970 triệu đồng, bằng 77,4% tổng vốn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí) để bố trí Hỗ trợ thực hiện các đề án (Hỗ trợ thực hiện chương trình phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2022-2025 theo QĐ số 1804/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới) với số tiền 18,270 tỷ đồng; hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM (Huyện Hải Lăng, Triệu Phong) với số tiền 8,4 tỷ đồng; hỗ trợ các xã theo tiêu chí (phân bổ theo tiêu chí, hệ số đã được quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh) với số tiền 71,2 tỷ đồng. Riêng nội dung “*Hỗ trợ thực hiện chương trình phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2022-2025 theo QĐ số 1804/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*”, hiện nay, các đơn vị và địa phương đề xuất nhu cầu thực hiện nội dung hỗ trợ thực hiện các đề án nêu trên quá lớn (hơn 76 tỷ đồng), một số nội dung chưa đề xuất được nhiệm vụ cụ thể (Chương trình phát triển KTTT, HTX, chuyên đề du lịch) nên cần rà soát các nội dung phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn chung của chương trình trước khi phân bổ chi tiết; Ban Kinh tế - Ngân sách đề

¹⁸ Sửa đổi, bổ sung Điều 40 của NĐ số 27/2022/NĐ-CP quy định trách nhiệm của UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh: Phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW giai đoạn 5 năm; kế hoạch đầu tư vốn, dự toán NSTW hỗ trợ có mục tiêu hằng năm; tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 5 năm từng chương trình (nếu có), chi tiết kế hoạch vốn sự nghiệp trong kế hoạch tài chính, ngân sách nhà nước 3 năm; danh mục dự án đầu tư công trung hạn, hằng năm được đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh (nếu có)

¹⁹ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các Văn bản số 4460/BKHĐT-TH ngày 13/6/2023 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024, số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024.

²⁰ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 bố trí 403.070 triệu đồng, Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 bố trí 29.800 triệu đồng

ngợi HĐND tỉnh giao UBND tỉnh bố trí cụ thể cho từng đề án khi đủ điều kiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả phân đối ứng của đề phương theo quy định để hoàn thành chỉ tiêu xây dựng NTM được HĐND tỉnh giao.

IV. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh).

Việc đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương phù hợp với quy định Luật đầu tư công, các văn bản hướng dẫn hiện hành. Danh mục các dự án bổ sung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, cắt giảm một số công trình đã hoàn thành không có nhu cầu sử dụng vốn, đối ứng các dự án ODA, dự phòng ngân sách địa phương, bổ sung các công trình dự án cấp bách theo các kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy, các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện cơ sở vật, kết cấu hạ tầng cho các địa phương, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối phân cấp do tỉnh quản lý: Điều chỉnh giảm 18,28 tỷ đồng kế hoạch trung hạn từ các khoản đối ứng các dự án ODA chưa giao chi tiết (0,3 tỷ đồng), dự phòng ngân sách địa phương (16,2 tỷ đồng), 02 dự án hoàn thành (1,78 tỷ đồng)²¹ để bổ sung đối ứng 01 dự án ODA (0,3 tỷ đồng), 02 dự án mới trình HĐND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư (16,2 tỷ đồng), 01 dự án cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện (1,78 tỷ đồng)²².

2. Nguồn vốn đấu giá đất do tỉnh quản lý

a) Nguồn vốn đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thành phố Đông Hà: Dự án **điều chỉnh giảm** vốn Dự án Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9) điều chỉnh giảm số vốn không có nhu cầu thực hiện là 2,829 tỷ đồng **để điều chỉnh tăng** vốn Dự án Đường Trường Chinh, thành phố Đông Hà (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương) bổ sung kế hoạch trung hạn 2,829 tỷ đồng để hoàn thành các hạng mục còn lại của dự án.

b) Nguồn đấu giá, đấu thầu các khu đất giao cho nhà đầu tư sử dụng: **Điều chỉnh giảm** vốn Dự án Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 đến cảng Cửa Việt với số tiền 35,8 tỷ đồng **để điều chỉnh tăng** vốn Dự án Tuyến đường kết nối từ công phụ Trung tâm hành hương đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy

²¹ Đối ứng các dự án ODA giai đoạn 2021-2025; Dự phòng ngân sách địa phương; Dự án Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Long, huyện Hướng Hóa; Dự án Đường giao thông liên thôn Mã Lai – Tân Pun, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

²² Dự án Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Quảng Trị; Dự án Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị; Dự án Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu – giai đoạn 1.

hoạch đô thị La Vang với số tiền tương ứng 35,8 tỷ đồng theo Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 604-TB/TU ngày 03/11/2023.

V. Thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và kế hoạch đầu tư công năm 2024 (Báo cáo số 264/BC-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh)

1. Tình hình phân bổ và giải ngân vốn đầu tư XDCB năm 2023

a) Tình hình phân bổ: Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 của tỉnh được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh giao là 3.130,995 tỷ đồng²³, đến nay Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2023 với số vốn 3.070,995 tỷ đồng, bằng 99,4% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và 98% kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao²⁴; cụ thể: Vốn ngân sách địa phương²⁵: 1.370,262 tỷ đồng, bằng 103% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; vốn ngân sách trung ương²⁶: 1.171,616 tỷ đồng, bằng 96,6% kế hoạch được giao; các chương trình mục tiêu quốc gia²⁷: 368,117 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch được giao; chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (lĩnh vực y tế)²⁸: 161 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch được giao. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của tỉnh chưa phân bổ chi tiết là 60 tỷ đồng (vốn nước ngoài) do Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM), tỉnh Quảng Trị chưa hoàn thành thủ tục ký Hiệp định vay.

b) Kết quả giải ngân: Tính đến ngày 31/10/2023, tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch năm 2023 của tỉnh là 1.413,068 tỷ đồng, đạt 45,1% kế hoạch. Theo báo cáo tiến độ và cam kết của các chủ đầu tư, dự kiến giá trị giải ngân kế hoạch 2023 của tỉnh khoảng 2.315 tỷ đồng, đạt 75% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 90,5% kế hoạch thực tế tỉnh tổ chức thực hiện (là số vốn kế hoạch thực tế không tính nguồn thu sử dụng đất dự kiến huy thu khoảng 512 tỷ đồng và số vốn nước ngoài 60 tỷ đồng chưa phân bổ chi tiết); trong đó: Nguồn vốn ngân sách địa phương đạt 98% kế hoạch; nguồn vốn ngân sách trung ương đạt 86% kế hoạch²⁹; nguồn vốn Chương trình MTQG đạt 100% kế hoạch; nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội (lĩnh vực y tế) đạt 64% kế hoạch.

c) Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023: Cơ bản thống nhất nội dung đánh giá của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh

²³ Thủ tướng Chính phủ giao là 3.089,745 tỷ đồng. HĐND tỉnh giao tăng 41,25 tỷ đồng, cụ thể: Nguồn đầu giá đất cấp tỉnh quản lý tăng 34,25 tỷ đồng và Nguồn XSKT tăng 7 tỷ đồng.

²⁴ So với kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân tỉnh giao tăng 41,25 tỷ đồng, cụ thể: Nguồn đầu giá đất cấp tỉnh quản lý tăng 34,25 tỷ đồng và Nguồn Xổ số kiến thiết tăng 07 tỷ đồng.

²⁵ Tại Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 30/12/2022, Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 16/8/2023, Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 và Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 3/11/2023.

²⁶ Tại Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 22/12/2022.

²⁷ Tại các Quyết định: số 3298/QĐ-UBND ngày 22/12/2022, số 3406/QĐ-UBND ngày 28/12/2022, số 3333/QĐ-UBND ngày 22/12/2022

²⁸ Tại Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 và số 551/QĐ-UBND ngày 27/3/2023

²⁹ Trong đó: Vốn trong nước đạt 98% kế hoạch và vốn nước ngoài đạt 55% kế hoạch

tại kỳ họp, qua làm việc với một số ngành, địa phương và giám sát quá trình thực hiện Ban Kinh tế - Ngân sách đánh giá bổ sung thêm một số nội dung sau:

- UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo các sở ngành, địa phương, chủ đầu tư triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2024 theo Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; các nhà thầu vượt qua mọi khó khăn về thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, giá cả vật tư vật liệu, nhân công tăng cao để phấn đấu hoàn thành kế hoạch đầu tư công được giao. Theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước tỉnh đến thời điểm 26/11/2023 kế hoạch/ dự toán giao chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 trên địa bàn tỉnh là 3.960.595 triệu đồng, lũy kế vốn đã thanh toán theo kỳ báo cáo 2.026.908 triệu đồng đạt tỷ lệ 51,2%, cụ thể: Nguồn ngân sách Trung ương: Kế hoạch/ dự toán giao năm 2023 là 821.183 triệu đồng, lũy kế vốn đã thanh toán theo kỳ báo cáo 435.035 triệu đồng đạt tỷ lệ 53%; nguồn ngân sách cấp tỉnh: Kế hoạch/ dự toán giao năm 2023 là 2.653.229 triệu đồng, lũy kế vốn đã thanh toán theo kỳ báo cáo 1.017.471 triệu đồng đạt tỷ lệ 38,3%; nguồn ngân sách cấp huyện: Kế hoạch/ dự toán giao năm 2023 là 486.183 triệu đồng, lũy kế vốn đã thanh toán theo kỳ báo cáo 332.795 triệu đồng đạt tỷ lệ 68,5%; vốn chương trình mục tiêu quốc gia: Kế hoạch/ dự toán giao năm 2023 là 368.117 triệu đồng, lũy kế vốn đã thanh toán theo kỳ báo cáo 241.607 triệu đồng đạt tỷ lệ 65,6% đây là năm có tỷ lệ giải ngân đạt thấp so với các năm trước.

- Nguyên nhân chính được xác định vẫn là khách quan, nguyên nhân chủ quan chưa được đề cập rõ ràng: Như năng lực đội ngũ cán bộ hạn chế, tình trạng sợ sai, né tránh công việc vẫn còn diễn ra; chưa lường hết các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án có sử dụng vốn nước ngoài ODA; giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, đặc biệt đất làm vật liệu san lấp, công tác GPMB; một số nhà thầu gặp khó khăn, năng lực tài chính hạn chế, chưa tập trung nhân lực và vật lực để thi công, đẩy nhanh khối lượng thực hiện một số dự án³⁰.

d) Kiến nghị HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh:

- Báo cáo bổ sung các công trình đã hoàn thành đi vào hoạt động; các công trình đã hoàn thành chưa quyết toán. Đối với các dự án kéo dài thời gian giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 qua năm 2023 mà khả năng không giải ngân hết vốn đến thời điểm 31/12/2023, đề nghị UBND tỉnh cần có giải pháp đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh giảm dự toán năm 2023, nếu không giảm sẽ đưa vào kết dư ngân sách năm 2023 làm ảnh hưởng đến cân đối ngân sách năm 2024, trong đó có Dự án cầu An Mô.

- Một số dự án dở dang, kéo dài thời gian thực hiện, dừng hiệp định vay ODA chưa xử lý dứt điểm làm mất vốn, có nguy cơ gây nợ đọng xây dựng cơ bản, công trình không phát huy hiệu quả đầu tư đề nghị UBND tỉnh tích cực tìm kiếm các nguồn vốn thay thế, chỉ đạo xử lý dứt điểm các vướng mắc giữa các chủ đầu tư, ngành

³⁰ Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Trị; Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị; Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị; Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng

chuyên môn và địa phương để chọn điểm dừng kỹ thuật, hoàn thành việc giao bàn giao đưa vào sử dụng. Biện pháp kiểm tra năng lực tài chính của các nhà thầu trước khi tham gia đấu thầu, thực hiện các gói thầu.

2. Dự kiến phân bổ các nguồn vốn đầu tư kế hoạch 2024

Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Trung ương, HĐND tỉnh giao; Chính phủ thông báo vốn, tình hình thực tế của địa phương; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua kế hoạch vốn năm 2024 như sau:

a) Dự kiến phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương kế hoạch 2024

* ***Đối với vốn trong nước:*** Dự kiến phân bổ kế hoạch 2024 được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 là 657,35 tỷ đồng đảm bảo cơ cấu, ngành, lĩnh vực, trong đó có ưu tiên một số dự án khởi công mới.

* ***Đối với vốn nước ngoài:*** Theo dự kiến kế hoạch 2024 được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 là 18,32 tỷ đồng, bằng 4% kế hoạch 2023 và bằng 9% mức dự kiến của tỉnh. Ưu tiên bố trí theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là (1) Bố trí đủ vốn cho dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2024 không có khả năng gia hạn Hiệp định, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024; (2) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt. Các dự án chưa ký Hiệp định không đảm bảo điều kiện dự kiến kế hoạch vốn nước ngoài năm 2024.

b) Dự kiến phân bổ Chương trình MTQG kế hoạch 2024

Các Chương trình MTQG được phân bổ chi tiết cho từng dự án, tiểu dự án, nội dung, hoạt động của từng Chương trình theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức vốn phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện các chương trình MTQG quy định tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh số 21/2022/NQ-HĐND, số 22/2021/NQ-HĐND, số 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/05/2022; Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 72/2022/HĐND ngày 18/10/2022 sửa đổi Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND và kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021-2025 quy định tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Kế hoạch 2024 được Trung ương thông báo dự kiến là 368,665 tỷ đồng; trong đó: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 92,292 tỷ đồng; Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 178,503 tỷ đồng; Chương trình MTQG nông thôn mới: 97,87 tỷ đồng. Các nội dung này, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh phân bổ cụ thể tại kỳ họp thứ 21 HĐND tỉnh.

c) Dự kiến phân bổ vốn cân đối ngân sách địa phương kế hoạch 2024

Kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh là 1.309,012 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí là 410,812 tỷ đồng, bằng

100% kế hoạch Trung ương dự kiến; đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 800 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Trung ương dự kiến (gồm: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở tại TP Đông: 295 tỷ đồng³¹; Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng: 35 tỷ đồng³²; Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại KKT TMĐB Lao Bảo: 05 tỷ đồng; Cấp huyện quản lý: dự kiến 465 tỷ đồng); đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 45 tỷ đồng, bằng 112,5% kế hoạch Trung ương dự kiến; đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 53,2 tỷ đồng, 100% kế hoạch Trung ương dự kiến.

d) Kiến nghị HĐND tỉnh: Bổ sung giải pháp: Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ trực tiếp chỉ đạo, tham mưu, triển khai kế hoạch đầu tư công; xử lý nghiêm tình trạng cán bộ sợ sai, né tránh, đùn đẩy công việc; dự báo những khó khăn, vướng mắc đối với các dự án có sử dụng vốn nước ngoài ODA để có lộ trình thực hiện; có biện pháp loại trừ một số nhà thầu không đảm bảo năng lực tài chính, chưa tập trung nhân lực và vật lực để thi công, đẩy nhanh khối lượng thực hiện một số dự án đã giao năm 2023.

Phần 4. Quy hoạch, các quy định, chính sách địa phương

I. Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh)

1. Cơ sở pháp lý ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại Điểm i Khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017 về quy trình lập quy hoạch: UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Việc lập quy hoạch tỉnh Quảng Trị nhằm phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý, điều hành toàn diện, thống nhất trên địa bàn tỉnh, là căn cứ để hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh để thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch tỉnh) bảo đảm đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Nội dung Quy hoạch tỉnh bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch 2017³³ (có hiệu lực từ 01/01/2019) và Quyết định số 776/QĐ-

³¹ Trung tâm PTQĐ tỉnh dự kiến số thu từ các dự án: Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía Tây, TP Đông Hà: khoảng 15 tỷ; Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3: khoảng 20 tỷ; Khu đô thị Đông đường Thành Cổ: khoảng 15 tỷ; Khu dân cư khu vực Biên phòng tỉnh (cũ): khoảng 16 tỷ; Khu đô thị tái định cư Nam Đông Hà giai đoạn 1: khoảng 10 tỷ; Khu đô thị Tân Vĩnh: khoảng 24 tỷ; Xây dựng CSHT khu vực Bắc sông Hiếu: khoảng 200 tỷ;

³² Dự kiến thu từ các dự án: Khu dân cư mới phường 1, thành phố Đông Hà; Nhà ở thương mại tại Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 1; Trung tâm thương mại khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3 (Khu CC4)

³³ Quy hoạch tỉnh bao gồm những nội dung chủ yếu như: a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; b) Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển; c) Phương hướng phát triển ngành quan trọng trên địa bàn; d) Phương án quy hoạch hệ thống đô thị,

TTg ngày 06/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các chỉ tiêu chủ yếu được xây dựng theo chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của nhà nước và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đã tích hợp các nội dung đề xuất của các sở, ngành và cấp huyện; xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của Quy hoạch; đồng thời, điều chỉnh một số nội dung trong Quy hoạch nhằm đảm bảo phù hợp với các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng quốc gia... đang được các bộ, ngành Trung ương xây dựng.

- Quy hoạch tỉnh Quảng Trị đã báo cáo xin ý kiến tại Hội nghị lần thứ mười một của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII (Kết luận số 406-KL/TU ngày 31/3/2023); được điều chỉnh, bổ sung theo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh số 7016/BC-HĐTĐ ngày 28/8/2023.

3. Kiến nghị HĐND tỉnh

a) Quy hoạch tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể Quốc gia, các quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia. Tuy nhiên, các quy hoạch này đang xây dựng và thực hiện song song. Vì vậy, giao UBND tỉnh chỉ đạo đơn vị lập quy hoạch tỉnh tiếp tục cập nhật đồng bộ, hoàn chỉnh đúng quy định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện giai đoạn 2021-2030 tuân thủ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025. Tuy nhiên, các chỉ tiêu sử dụng đất do Quốc gia phân bổ thấp hơn nhiều so với nhu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2021-2030. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục rà soát, cập nhật theo Công điện số 360/CD-TTg ngày 02/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao; tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025, trong đó có chỉ tiêu độ che phủ rừng.

phương án phát triển đô thị tinh lý và các thị xã, thị trấn trên địa bàn; phương án phát triển hệ thống khu kinh tế; phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; phương án phát triển các cụm công nghiệp; phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực; đ) Phương án phát triển mạng lưới giao thông; e) Phương án phát triển mạng lưới cấp điện; g) Phương án phát triển mạng lưới viễn thông; h) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước; i) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải; k) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội; l) Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; m) Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện; n) Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn; o) Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện; p) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

c) Bổ sung nội dung sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Công điện số 616/CD-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, hoàn thiện các quy hoạch để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Việc xác định phạm vi, ranh giới, tên địa lý và triển khai phương án sắp xếp cụ thể các Quy hoạch tỉnh cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Đề nghị bổ sung nội dung nghị quyết

- Bổ sung “Nhiệm vụ trọng tâm về phát triển xã hội, quốc phòng an ninh” sau điểm 5.5 mục 5 phần II Điều 1 trang 8 của dự thảo nghị quyết (*có dự thảo bổ sung kèm theo*).

- Bổ sung nội dung mới mục 6 phần II Điều 1 trang 8 của dự thảo nghị quyết: Tổ chức không gian phát triển, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực, định hướng phát triển hệ thống đô thị (*có dự thảo bổ sung kèm theo*).

II. Hệ số điều chỉnh giá đất (hệ số K) năm 2024 áp dụng trên địa bàn tỉnh (*Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh*)

1. Tính phù hợp, căn cứ pháp lý

Về đề nghị HĐND tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 phù hợp với quy định tại điểm h khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015³⁴; khoản 10 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013³⁵; đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh theo hướng dẫn tại Văn bản số 288/UBTVQH15-CTĐB ngày 09/8/2022, số 413/UBTVQH15-CTĐB ngày 08/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất³⁶; Công văn số 1207/BTC-QLCS ngày 09/02/2023 của Bộ Tài chính giải quyết vướng mắc về trình tự, thủ tục ban hành hệ số điều chỉnh giá đất tại tỉnh Quảng Trị và tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Mục đích: Việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm để xác định giá đất tính thu tiền thuê đất được xác định theo từng khu vực, tuyến đường, vị trí tương ứng với từng mục đích sử dụng đất, phù hợp với thị trường và điều kiện phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

3. Phạm vi áp dụng: Hệ số K trên địa bàn tỉnh năm 2024 để làm căn cứ xác định các khoản thu đối với các trường hợp sau: Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 của Luật đất đai, là căn cứ xác định giá đất để làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (*tính theo giá đất trong bảng giá đất*) dưới 20 tỷ đồng³⁷; xác định giá đất để làm

³⁴ Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng đất đai

³⁵ Quản lý tài chính về đất đai, giá đất

³⁶ UBND cấp tỉnh xây dựng, trình HĐND cùng cấp quyết định các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất

³⁷ - Tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114 Luật đất đai:

căn cứ tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo³⁸; xác định giá đất để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm³⁹; không áp dụng hệ số K đối với trường hợp tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất được quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai đối với dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau.

4. Nội dung

Năm 2023, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/2023 về điều chỉnh giá đất (Hệ số K) năm 2023 áp dụng tại các khu vực trên địa bàn tỉnh: Tại thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và khu kinh tế, khu công nghiệp ($K=1,20$); Tại các thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ($K=1,25$); các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ($K=1,30$). Căn cứ các quy định hiện hành, tình hình thực tế các địa phương trên địa bàn tỉnh và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là thu hút đầu tư vào Quảng Trị; việc UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh quyết định hệ số giá đất (Hệ số K) năm 2024 áp dụng trên địa bàn tỉnh như năm 2023 là phù hợp, bảo đảm hài hòa các lợi ích của Nhà nước và người sử dụng đất. Cụ thể: Tại thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

b) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất.

c) Tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

d) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

- Tại khoản 2 Điều 172 Luật đất đai:

2. Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và phải xác định lại giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển sang thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của Luật này.

- Tại khoản 3 Điều 189 của Luật đất đai:

3. Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án.

³⁸ điểm a, khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính Phủ.

³⁹ điểm a, khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính Phủ.

khu kinh tế, khu công nghiệp K=1,20; tại các thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (trừ khu kinh tế, khu công nghiệp) K=1,25; các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (trừ khu kinh tế, khu công nghiệp) K=1,30 theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp, đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua.

III. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh).

1. Căn cứ pháp lý, tính phù hợp, thẩm quyền

Thực hiện Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Việc đề nghị HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị là phù hợp, đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

2. Nội dung, lý do điều chỉnh

Qua rà soát các quy định của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; nghiên cứu báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, làm việc với các cơ quan chuyên thuộc UBND tỉnh và tình hình thực tế địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất:

a) Bãi bỏ Điều 2 Quy định kèm theo Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Mức hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở.

- Lý do: Theo quy định tại Điều 82⁴⁰ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính: Ngân sách trung ương hỗ trợ mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của Đài truyền thanh xã; Bộ Tài chính không giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể; việc phân bổ kinh phí thực hiện hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phù hợp tình hình thực tế tại địa phương nhằm đảm bảo mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin và truyền thông trong triển khai thực hiện

⁴⁰ Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, trang bị phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật về đấu thầu và quản lý, sử dụng tài sản công. Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với đài truyền thanh xã. Ngân sách địa phương hỗ trợ đối với cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các xã trên địa bàn tỉnh.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quy định kèm theo Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các tổ chức, cá nhân. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, cụ thể:

+ Hỗ trợ chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các tổ chức, cá nhân. Mức hỗ trợ không quá 13 triệu đồng/mã số vùng trồng.

+ Hỗ trợ 100% chi phí hướng dẫn lập hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực của xã gắn với vùng nguyên liệu được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương, không quá 2,0 triệu đồng/1 sản phẩm; hỗ trợ 100% chi phí thiết lập hệ thống, tạo mã truy xuất nguồn gốc điện tử, không quá 10 triệu đồng /sản phẩm.”

- Lý do: Để thực hiện đúng quy định khoản 2⁴¹ Điều 84, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính: Ngân sách hỗ trợ chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân tổ chức.

c) Bãi bỏ Điều 5, Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Nội dung, mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

- Lý do: Thực hiện theo quy định tại khoản 2⁴² Điều 88, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính là không giao HĐND tỉnh quy định lại nội dung, mức hỗ trợ này.

⁴¹ Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng dự án, mô hình, kế hoạch, phương án, địa phương, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, cơ quan phê duyệt dự án, mô hình, kế hoạch, phương án tại địa phương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

⁴² Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thông tư này quy định một số nội dung chi cụ thể như sau:

a) Chi hỗ trợ rà soát, công nhận các làng nghề truyền thống (điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các làng nghề truyền thống chưa đáp ứng được tiêu chí công nhận). Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư này;

b) Chi tổ chức đào tạo, truyền nghề, nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

d) Bãi bỏ Điều 7, Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Nội dung, mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết văn hoá, thể thao cơ sở.

- Lý do: Thực hiện theo quy định tại Điều 100⁴³, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính là không giao HĐND tỉnh quy định lại nội dung, mức hỗ trợ này.

e) Bổ sung quy định

- Mức hỗ trợ tối đa cho một mô hình Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp: 50 triệu đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Lý do: Để hỗ trợ xây dựng các mô hình “Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp “5 tự” và “5 cùng” theo quy định tại điểm a⁴⁴, Khoản 1 Điều 116 Thông tư 55/2023/TT-BTC và nội dung hướng dẫn tại Văn bản số 466-HD/HNDTW ngày 23/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

IV. Nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đề điều hệ thống đề điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 205/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh)

a) Căn cứ pháp lý, thẩm quyền

Việc đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng

⁴³ (1) Chi hỗ trợ mua sắm thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa như sau:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế;

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 30 triệu đồng/thiết chế;

2. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa như sau:

- Tủ sách xã: 30 triệu đồng/01 tủ sách;

- Tủ sách thôn: 20 triệu đồng/tủ sách;

(3) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Mức hỗ trợ theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm;

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn là 30 triệu đồng/01 năm.

(4) Chi sản xuất và cấp phát ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về các mô hình tiêu biểu về bảo tồn văn hóa truyền thống trong xây dựng nông thôn mới. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

(5) Chi tổ chức các lớp tập huấn và truyền dạy theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Mức chi thực hiện theo các quy định khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

⁴⁴ Mức hỗ trợ: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng mô hình, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) mô hình (đối với mô hình do trung ương thực hiện); cơ quan phê duyệt mô hình (đối với mô hình do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

và xử lý cấp bách sự cố đê điều hệ thống đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thực hiện theo điểm c, khoản 1, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương⁴⁵; khoản 9 Điều 30 của Luật Ngân sách Nhà nước và Điều 21, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách nhà nước⁴⁶, thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh quyết định theo khoản 2 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật⁴⁷ để triển khai quy định tại Điều 5⁴⁸ Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1124/BNN-ĐĐ ngày 01/3/2023. Nội dung xây dựng thực hiện theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đã tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến của UBMTTQVN tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử.

b) Nội dung, nhiệm vụ

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất phê duyệt 12 nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều; 10 nội dung, nhiệm vụ chi xử lý cấp bách sự cố đê điều, với tổng chiều dài được phân cấp cho tỉnh quản lý là 181,45 km⁴⁹ (đê cấp IV) theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp. Dự thảo nghị quyết chỉ mới đề cập đến nội dung, nhiệm vụ chi; chưa đề cập đến việc bố trí kinh phí. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất bổ sung nội dung "*Nguồn lực thực hiện nghị quyết: Từ kinh phí chi thường xuyên để thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác. Việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều hệ thống đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn hiện hành và Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính*". Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh xây dựng lộ trình, tích cực tìm kiếm, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư kiên cố hóa là 30,78 km;

⁴⁵ HĐND tỉnh quyết định biện pháp để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp;

⁴⁶ HĐND tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, định mức, tiêu chuẩn ngoài các chế độ, chính sách do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương không hỗ trợ.

⁴⁷ HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, văn bản QPPL, văn bản pháp luật của của quan nhà nước cấp trên.

⁴⁸ Căn cứ nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều quy định tại Điều 4 của Thông tư này; thực trạng hệ thống đê điều do địa phương quản lý và khả năng kinh phí; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều hệ thống đê điều do địa phương quản lý cho phù hợp, bảo đảm an toàn tuyến đê do địa phương quản lý

⁴⁹ Đê biển dài 11,17 km; đê cửa sông dài 57,43 km; đê bao dài 58,15km; đê chuyên dùng dài 54,70 km

nâng cấp, tu bổ do bị hư hỏng, xuống cấp hoặc chưa được đồng bộ là 56,82 km... để phục vụ tốt hơn cho việc sản xuất, đảm bảo tính mạng và tài sản của Nhà nước và nhân dân, kết hợp mục đích giao thông phục vụ dân sinh, cứu hộ, cứu nạn trong mùa mưa bão.

V. Bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh hỗ trợ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh)

Việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để bãi bỏ Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của Thường trực HĐND tỉnh⁵⁰; Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 15/11/2021 của HĐND tỉnh⁵¹; Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 15/11/2021 của HĐND tỉnh⁵² là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị quyết số 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội⁵³, Nghị quyết số 174/NQ-CP ngày 28/10/2023 của Chính phủ và Quyết định số 3896/QĐ-BYT ngày 19/10/2023 của Bộ Y tế⁵⁴ đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua.

Phần 5. Thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất - rừng

1. Danh mục dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác (Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh và Văn bản số 6348, số 6362/UBND-KT ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh)

a) Về hồ sơ, trình tự, thủ tục

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương thu hồi 271,73 ha đất để thực hiện 70 dự án tại 09 địa phương trong tỉnh⁵⁵; chuyển mục đích sử dụng đất trồng, đất rừng phòng hộ 28,81 ha để thực hiện 16 dự án tại 07 địa phương⁵⁶ cơ bản phù hợp với quy định của Luật Đất đai 2013, Luật Đầu tư công 2019, Luật Đầu tư 2020, các Quy hoạch ngành và các văn bản hướng dẫn hiện hành, đã có trong quy hoạch sử dụng đất cấp có thẩm quyền phê duyệt; được phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kế hoạch vốn; UBND cấp huyện và các sở ngành, đơn vị đề xuất bằng văn bản.

⁵⁰ quy định mức chi chế độ đặc thù hỗ trợ công tác phòng, chống dịch Covid -19 trên địa bàn tỉnh

⁵¹ quy định hỗ trợ tiền ăn cho người dân trở về từ vùng dịch thuộc các địa phương khác trong nước có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn phải cách ly y tế tập trung

⁵² quy định hỗ trợ thành viên Tổ giám sát Covid -19 được ban hành trong điều kiện tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, cấp bách

⁵³ "... chính quyền địa phương khẩn trương sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản thuộc thẩm quyền để thực hiện hiệu quả, đúng thời hạn Nghị quyết này và bãi bỏ các văn bản thuộc thẩm quyền đã được ban hành theo Nghị quyết số 30/2021/QH15, trừ các nội dung quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này".

⁵⁴ đã điều chỉnh bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra (Covid - 19) từ bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A sang bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007, hiệu lực từ ngày 20/10/2023

⁵⁵ Tại 09 địa phương: Đông Hà 09 DA, TXQT 03 DA, Vĩnh Linh 01 DA, Triệu Phong 03 DA, Hải Lăng 05 DA, Cam Lộ 30 DA, Hướng Hóa 01 DA, Đakrông 07 DA, Gio Linh 11 DA.

⁵⁶ Đông Hà 02 DA, TXQT 01 DA; Gio Linh 05 DA, Triệu Phong 01 DA, Hải Lăng 03 DA, Cam Lộ 02 DA, Đakrông 02 DA.

b) Nội dung có ý kiến khác

*** Các danh mục dự án đề nghị HĐND tỉnh chấp thuận cho bổ sung địa điểm thực hiện, điều chỉnh tên gọi dự án và cập nhật, bổ sung dự án thu hồi đất, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trình tại kỳ họp này theo đề xuất bổ sung của UBND tỉnh**

Căn cứ Công văn số 6348, số 6362/UBND-KT Ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh, Tờ trình số 4650/TTr-STNMT ngày 24/11/2023 của Sở Tài nguyên Môi trường, Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 24/11/2023 của UBND huyện Hải Lăng; trên cơ sở kết quả rà soát, đề nghị HĐND tỉnh thông nhất:

- Bổ sung địa điểm thực hiện dự án “*thị trấn Hồ Xá và xã Vĩnh Long*” và điều chỉnh tên gọi của Dự án “*Khu đô thị tây nam Quốc lộ 1 (KV2) - thuộc dự án khu đô thị Tây nam Quốc lộ 1 đoạn qua thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh*” đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 thành “*Khu dân cư tây nam Quốc lộ 1 (giai đoạn 2) thị trấn Hồ Xá*” để phù hợp với thực tế và quy định hiện hành.

- Chấp thuận bổ sung dự án thu hồi đất và dự án chuyển mục đích 0,08 ha đất trồng lúa tại địa bàn xã Triệu Long, huyện Triệu Phong để thực hiện hạng mục: Giao đất tái định cư, Dự án đường nối cầu An Mô vào khu tưởng niệm Tổng Bí Thư Lê Duẩn.

*** Nhóm dự án đề nghị HĐND tỉnh thông qua có điều kiện (theo ý kiến Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, dự án cấp bách, dự án ưu tiên để hỗ trợ chủ đầu tư, địa phương hoàn thành các hồ sơ, thủ tục pháp lý song song đã được Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến kết luận tại phiên họp lần thứ 37 ngày 01/12/2023)**

- Dự án Tuyến đường kết nối từ công phụ Trung tâm hành hương đức mẹ La Vang đến cụm Công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang có trong quy hoạch chung đô thị La Vang, huyện Hải Lăng đến năm 2045 đã có Thông báo kết luận số 604-TB/TU ngày 03/11/2023, nhiệm vụ phải hoàn thành Dự án trước tháng 8/2024. UBND tỉnh trình 6,6 ha tại xã Hải Phú. UBND huyện Hải Lăng, Sở TNMT rà soát lại xác định có 0,32 ha tại xã Hải Lệ thuộc TXQT, phần còn lại 6,28 ha tại xã Hải Phú thuộc huyện Hải Lăng (có 0,395 ha phù hợp với hiện trạng quy hoạch đất giao thông; còn lại 5,963 ha tại Hải Lăng chưa có trong QHSD đất huyện Hải Lăng đã phê duyệt), trong đó, có 4,2 ha lúa tại địa bàn xã Hải Phú. Đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án, thông qua Dự án thu hồi đất với diện tích 6,6 ha (có 0,32 ha tại xã Hải Lệ thuộc TXQT, 6,28 ha tại xã Hải Phú thuộc huyện Hải Lăng) và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 4,2 ha tại địa xã Hải Phú, huyện Hải Lăng tại kỳ họp lần này. Đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND huyện Hải Lăng rà soát hoàn chỉnh hồ sơ để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất

cấp huyện trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất; thủ tục đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trình song song tại kỳ họp này.

- Nhóm 06 dự án có tính chất quan trọng, cấp bách, hỗ trợ tích cực cho nhiệm vụ GPMB thực hiện Dự án động lực xây dựng Cảng hàng không Quảng Trị, gồm: Khu nghĩa địa mới di dời mồ mả phục vụ công tác GPMB Cảng hàng không Quảng Trị (giai đoạn 1) với diện tích 4,2 ha tại xã Gio Mai và Khu nghĩa địa mới di dời mồ mả phục vụ công tác GPMB Cảng hàng không Quảng Trị (giai đoạn 1) với diện tích 3,0 ha tại xã Gio Quang (*cả 2 dự án này nằm trong phạm vi khu quy hoạch đất dự trữ hai bên cảng hàng không; vị trí dự án chưa phù hợp quy hoạch sử dụng đất huyện Gio Linh, chưa được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư của từng dự án*); Dự án Xây dựng trường tiểu học, THCS cơ sở 2 phục vụ công tác GPMB xây dựng Cảng hàng không Quảng Trị (giai đoạn 1) với diện tích 2,16 ha tại xã Gio Hải; Xây dựng trường mầm non xã cơ sở 2 phục vụ công tác GPMB xây dựng Cảng hàng không Quảng Trị (giai đoạn 1) với diện tích 1,72 ha tại xã Gio Hải; Tái định cư cảng hàng không với diện tích 3,35 ha tại xã Gio Mai và xã Gio Hải; Khu nghĩa địa mới di dời mồ mả phục vụ công tác GPMB Cảng hàng không Quảng Trị (giai đoạn 1) với diện tích 1,72 ha tại xã Gio Hải (*nhóm 4 dự án này là những dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư riêng của từng dự án, tách rời ngoài nhiệm vụ GPMB quy định tại Nghị quyết 60/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của HĐND tỉnh với diện tích 265,372 ha*). Để kịp thời triển khai dự án động lực của tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua có điều kiện, giao UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND huyện Gio Linh hoàn thiện hồ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất huyện Gio Linh đến năm 2030 trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất; chỉ đạo xây dựng và phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo thẩm quyền trước khi triển khai thực hiện.

- Dự án Đầu tư khai thác, chế biến quặng vàng gốc mỏ A Vao, xã A Vao, huyện Đakrông của Công ty Cổ phần phát triển khoáng sản 4 với diện tích 15,9 (Làm đường công vụ và các hạng mục công trình phụ trợ của mỏ). Đề nghị HĐND tỉnh thông qua có điều kiện, giao UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND huyện Đakrông hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh vị trí quy hoạch sử dụng đất từ xã A Bung sang vị trí xã A Vao để được cập nhật, bổ sung trong bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Đakrông đến năm 2030 trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất.

*** Dự án đề nghị HĐND tỉnh chưa thông qua thu hồi đất 60,76 ha và chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ 5,08 ha đối với Dự án Khai thác khoáng sản mỏ cát trắng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị (theo Kết luận tại Phiên họp lần thứ 37 ngày 01/12/2023 của Thường trực HĐND tỉnh)**

Lý do: Xác định tổng thể của mỏ Dự án mỏ khoáng sản Vico (446 ha) đã được Bộ TNMT cấp phép mỏ, qua rà soát xác định có 194,84 ha chồng lấn với Quy hoạch 3 loại rừng chưa được điều chỉnh đưa ra ngoài Quy hoạch 3 loại rừng và cần cập nhật bổ sung tại Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030; trong đó có 11,91 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất 291,97 ha (có khoảng 222,48 ha nằm trong quy hoạch 3 loại rừng). Đối chiếu với quy định của Luật Lâm nghiệp 2017 thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất của Thủ tướng Chính phủ; thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh. Hiện nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa điều chỉnh, sửa đổi bổ sung hoặc thay thế Kết luận số 86-KL/TU ngày 05/7/2018⁵⁷, trách nhiệm của Công ty Cổ phần đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị chưa hoàn thành hồ sơ bàn giao 44,9475 ha (thuê năm 2019) đã khai thác xong để trả lại cho địa phương quản lý và chưa trình Bộ TNMT phê duyệt đóng của mỏ đối với phần diện tích đã thuê năm 2016 và năm 2019 sau khi khai thác xong là 64,8339 ha trước khi xin chủ trương HĐND tỉnh thu hồi đất bổ sung hàng năm.

Kiến nghị HĐND tỉnh: Đề nghị UBND tỉnh báo cáo Ban cán sự đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Kết luận số 86-KL/TU ngày 05/7/2018 của Tỉnh ủy theo Thông báo kết luận số 360-TB/TU ngày 31/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

c) Kiến nghị HĐND tỉnh

Sau khi rà soát, căn cứ ý kiến Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp thứ 37 ngày 01/12/2023; Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh chỉ chấp thuận chủ trương thu hồi đất với diện tích 179,84 ha (giảm 91,89 ha) để thực hiện 71 dự án (tăng 01 dự án) tại 09 địa phương trong tỉnh; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ với diện tích 28,01 ha (giảm 0,8 ha), trong đó đất trồng lúa 20,23 ha; đất rừng phòng hộ 7,78 ha) để thực hiện 17 dự án (tăng 01 dự án) tại 07 địa phương trình tại kỳ họp (So với Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh).

2. Quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, chuyển loại rừng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 217/TTr-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh, Văn bản số /UBND-KT ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh)

Hồ sơ và trình tự thủ tục đề nghị chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 11 dự án⁵⁸ với tổng diện tích là

⁵⁷ Đối với cát Thạch anh cần rà soát lại các mỏ đã cấp theo hướng chỉ cấp phép khai thác để sản xuất vật liệu xây dựng tại địa phương; nghiêm cấm việc vận chuyển cát Thạch anh ra khỏi địa bàn dưới mọi hình thức

⁵⁸Gồm: Dự án Khu TĐC phục vụ dự án thành phần đoạn Vạn Ninh-Cam Lộ là 1,2082 ha. Nhà máy Điện gió Hoàng Hải 0,0245 ha; mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Thủy 1 là 0,6108 ha; mỏ đất làm vật liệu san lấp Vĩnh Sơn 6 là 3,6478 ha; Định canh định cư xã Tà Long 2,2088 ha; Định canh định cư xã Hướng Hiệp 5,0413 ha; Di dân khẩn cấp vùng sạt lở đất xã Húc Nghi 1,7002 ha; Đường giao thông liên thôn điểm khu tái định cư Tà Rụt 1 đến thôn A Liêng, xã Tà Rụt, huyện Đakrông 1,9742 ha; Quảng trường

48,0504 ha rừng (*rừng sản xuất 32,7829 ha, rừng phòng hộ 14,5786 ha, ngoài QH 3 loại rừng 0,6774 ha*) được thực hiện đầy đủ quy trình theo quy định tại Điều 20 của Luật Lâm nghiệp năm 2017; khoản 3 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Các dự án đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp có thẩm quyền phê duyệt; đã được HĐND tỉnh đưa ra danh mục ngoài quy hoạch ngoài 3 loại rừng⁵⁹; được Hội đồng thẩm định chủ trương CMĐSDR tỉnh xác định đủ điều kiện.

Riêng đối với một số Dự án do BQLDA PTQĐ&CCN Đakrông làm chủ đầu tư nằm trong danh mục rà soát đưa ra ngoài QH 3 loại rừng⁶⁰ nhưng có sự sai lệch về vị trí, diện tích so với Nghị quyết HĐND tỉnh và quyết định của cơ quan có thẩm quyền chuyển đổi như: Dự án Quảng trường văn hóa truyền thống các dân tộc Vân Kiều, Pako, thị trấn Krông Klang, diện tích rừng trồng chuyển đổi là 2,5965 ha (*Trong đó có 0,0452 ha rừng trồng chưa đưa ra ngoài 3 loại rừng*); Dự án đường giao thông liên thôn điểm khu tái định cư Tà Rụt 1 đến thôn A Liêng, xã Tà Rụt, diện tích chuyển đổi rừng sản xuất 1,9654 ha (*Trong đó 0,2164 ha rừng trồng, chưa đưa ra ngoài 3 loại rừng*); Dự án Di dân khẩn cấp vùng sạt lở đất xã Húc Nghi, diện tích chuyển đổi rừng 1,7002 ha (*Trong đó có 0,0483 ha rừng trồng 0,0144 ha, đất trống không rừng 0,0339 ha và chưa đưa ra ngoài 3 loại rừng*), nhưng đây là các dự án có tính chất cấp bách, ưu tiên để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư hoàn thành dự án theo tiến độ; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng có điều kiện, giao UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND huyện Đakrông hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng để cập nhật vào Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch vùng huyện Đakrông và đề nghị tích hợp vào quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia trước khi tổ chức GPMB và phê duyệt phương án trồng rừng thay thế.

Dự án Khai thác mỏ sét đồi khu vực Hồ Lây, xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng diện tích đề nghị chuyển đổi rừng 14,4683 ha (RSX 13,7909 ha, Ngoài QH 3 loại rừng 0,674 ha) tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh thứ 37 ngày 01/12/2023 xác định chưa có đầy đủ Văn bản giải trình về mâu thuẫn thẩm quyền quyết định chủ trương

văn hóa truyền thống các dân tộc Vân Kiều, Pako, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, diện tích rừng trồng chuyển đổi là 2,5965 ha; Dự án Khai thác mỏ sét đồi khu vực Hồ Lây 14,4683 ha; Khu nghỉ dưỡng Eden Charm 14,5786 ha.

⁵⁹ Tại Nghị quyết 37/2023/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND tỉnh về kéo dài, sửa đổi, bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu QH bảo vệ và phát triển rừng.

⁶⁰ Nghị quyết 37/2023/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND tỉnh và Quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

diện tích rừng chuyển đổi của Dự án⁶¹, đề nghị HĐND tỉnh chưa thông qua tại kỳ họp lần này. Sau phiên họp Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh có Văn bản 6413/UBND-KT Ngày 01/12/2023 làm rõ về việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng dự án khai thác mỏ sét đồi khu vực Hô Lây, đề nghị UBND tỉnh giải trình thêm tại kỳ họp nếu được chủ tọa đồng ý.

Sau khi rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua **10/11 dự án** với diện tích chuyển đổi rừng là **33,5821 ha** rừng; trong đó (RSX 18,992 ha, RPH 14,5786, ngoài QH 3 loại rừng 0,6774 ha).

Phần 6. Các dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh được phân công thẩm tra 18 dự thảo nghị quyết cá biệt, 03 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật. Các nội dung thẩm tra đã nêu tại Báo cáo này, khi được Chủ tọa kỳ họp kết luận thống nhất đề nghị bổ sung vào nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: Ban KTNS, VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đăng Ánh

⁶¹ Như Dự án nằm trong danh mục rà soát đưa ra ngoài QH 3 loại rừng tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 xác định là 132,57 ha, bằng diện tích Chủ đầu tư trúng đấu giá mỏ tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 19/05/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị; Chủ trương đầu tư dự án được cấp 49,6 ha; giữa các Văn bản số 68/CV-HL ngày 20/10/2023 và số 73/CV-HL ngày 06/11/2023 của Chủ đầu tư cam kết chưa có sự đồng nhất